**Chñ ®Ò 4**

**ĐỊa lí tỰ nhiên ViỆt Nam**

**1. Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam**

*Phần đất liền:*

- Diện tích 329.247km2, kéo dài 15 vĩ độ, hẹp ngang. Chiều dài Bắc – Nam 1650km, nơi hẹp nhất theo chiều Tây – Đông khoảng 50km ( tỉnh Quảng Bình )

- Nằm trọn trong múi giờ thứ 7 theo giờ GMT

- Giáp biển với chiều dài đường bờ biển 3260km

- Đường biên giới trên đất liền dài 4550km.

- Nằm trong vòng đai nhiệt đới nửa cầu Bắc

+ Các điểm cực nằm trên phần đất liền:

+ Điểm cực Bắc: Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang 23023’B – 105020Đ.

+ Điểm cực Nam: Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau 8034’B – 104040’Đ

+ Điểm cực Tây: Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên 22022’B – 102010’Đ

+ Điểm cực Đông: Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hoà 23023’B – 105020’Đ

*Phần biển:*

- Diện tích khoảng 1 triệu km2, có hơn 3000 đảo

Những đặc điểm của vị trí địa lí về mặt tự nhiên

- Vị trí nội chí tuyến

- Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

- Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước ĐNÁ đất liền và ĐNÁ hải đảo.

- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật

**2. Đặc điểm địa hình Việt Nam**

Ba đặc điểm cơ bản:

*2.1. Đa dạng, nhiều kiểu loại: địa hình đôì núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.*

- Đồi núi: là bộ phận quan trọng của nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam. Núi chiếm ¾ diện tích phân đất liền, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp dưới 1000m chiếm 85%. Núi kéo dài hơn 1000km, từ biên giới Tây Bắc tơí Đông Nam Bộ, tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển đông. Nhiều nơi lan ra sát biển hoặc chia cắt bờ biển, hoặc bị biển nhấn chìm tạo thành các đảo, quần đảo ( Vùng biển Quảng Ninh)

- Đ/bằng: chỉ chiếm ¼ diện tích, bị đồi núi chia cắt thành nhiều ô nhỏ, nhiều khu vực.

*2.2. Địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và trẻ lại, tạo thành nhiều bậc địa hình kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa với hướng chủ yếu là hướng TB-ĐN và hướng vòng cung.*

- Trải qua hàng chục triệu năm không được nâng lên, cùng các vùng núi bị ngoại lực bào mòn, phá huỷ tạo nên những bề mặt san bằng cổ, thấp và thoải.

- Đến Tân kiến tạo, vận động tạo núi Hy-ma-lay-a đã làm cho địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa…Địa hình thấp dần từ nội địa ra biển, trùng với hướng tây bắc-đông nam và được thể hiện rõ qua hướng chảy của các dòng sông lớn.

- Trong từng bậc địa hình lớn như đồi núi, đồng bằng, bờ biển, còn có các bậc địa hình nhỏ như các bề mặt san bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thềm sông, thềm biển…đánh dấu sự nâng lên của địa hình nước ta thời kỳ tân kiến tạo.

*2.3. Địa hình nước ta luôn biến đổi do tác động của môi trường nhiệt đới gió mùa và tác động của con người.*

- Cùng với Tân kiến tạo, hoạt động ngoại lực của khí hậu, của dòng nước và của con người là những nhân tố chủ yếu và trực tiếp hình thành đại hình hiện tại của nước ta.

- Trong môi trường nóng ẩm, gió mùa, đất đá bị phong hoá mạnh mẽ. Lượng mưa lớn và tập trung theo mùa đã nhanh chóng xói mòn, cắt xẻ, xâm thực các khối núi lớn…

- Các dạng địa hình nhân tạo xuất hiện ngày càng nhiều trên đất nước ta như các công trình kiến trúc đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch, hồ chứa nước…

**3. Đặc điểm các khu vực địa hình**

*3.1 Khu vực đồi núi: Vùng núi Đông Bắc. Vùng núi Tây Bắc. Vùng núi Trường Sơn Bắc. Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam. Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ*

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng núi Đông Bắc** | **Vùng núi Tây Bắc** |
| - Là một vùng núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng, đi từ dãy Con Voi đến vùng đồi ven biển Quảng Ninh  - Gồm các dãy núi thấp và vùng đồi trung du phát triển rộng  - Núi cao nhất: Tây Côn Lĩnh (2419m)  - Hướng núi: Vòng cung  - Các dãy núi chính: Các cánh cung Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm  - Địa hình đón gió mùa đông bắc, có mùa đông lạnh nhất nước, thời tiết hay nhiễu động  - Vành đai nhiệt xuống thấp vào mùa đông.  - Địa hình các-xtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp: Hạ Long, Ba Bể | - Nằm giữa sông Hồng và sông Cả  - Gồm các dãy núi cao( 1500-2500m) xen kẻ với sơn nguyên, thung lũng, bồn địa  - Núi cao nhất: Phan-xi-păng(3143m)  - Hướng núi: Tây Bắc – Đông Nam.  - Các dãy núi chính: Hoàng Liên Sơn, sơn nguyên đá vôi dọc sông Đà, các dãy núi ven biên giới Việt – Lào  - Địa hình chắn gió đông bắc, chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng.  - Nhiều vành đai tự nhiên theo độ cao  - Địa hình các-xtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp: Sapa, Mai Châu |
| **Vùng núi Trường Sơn Bắc** | **Vùng núi và cao Nguyên Trương Sơn Nam** |
| - Từ phía Nam sông Cả đến dãy núi Bạch Mã, dài khoảng 600km  - Đây là vùng núi thấp, có hai sườn không cân xứng, sườn Đông hẹp, dốc, nhiều đèo, thông sang Lào ( Keo Nưa, Mụ Gia…), nhiều nhánh núi nằm ngang chia cắt đồng bằng duyên hải Trung Bộ.  - Hướng núi tây bắc-đông nam  - Núi cao nhất: Pu-sai-lai-leng(2711m)  - Địa hình chắn gió Tây Nam tạo ra gió phơn khô nóng thổi xuống đồng bằng ven biển  - Cảnh đẹp: Phong Nha, Kẻ Bàng. | - Từ phía Nam dãy Bạch Mã đến ĐNB.  - Là vùng núi, cao nguyên hùng vĩ và với các cao nguyên xếp tầng rộng lớn: Kom Tum, Gia Lai, Đắc Lắk, Lâm Viêng, Di Linh, Mơ Nông. Các cao nguyên bề mặt có phủ badan, xếp tầng có độ cao 400m, 800m, 1000m  - Núi, cao nguyên làm thành cung lớn quay lưng ra Biển Đông.  - Núi cao nhất: Ngọc Linh (2598m )  - Là nóc nhà của phía Nam bán đảo Đông Dương, nơi bắt nguồn nhiều dòng chảy về phía Đông, phía Nam, Phía tây  - Cảnh đẹp: Đà Lạt |

\* Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ phần lớn là những thềm phù sa cổ có nơi cao tới 200m, mang tính chất chuyển tiếp giữa miền núi và miền đồng bằng.

*3.2. Khu vực đồng bằng: Đồng bằng hạ lưu châu thổ các sông lớn: Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Đồng bằng duyên hải Trung Bộ*

- ĐB SCL: Cao TB 2-3m so với mực nước biển có DT khoảng 40.000km2, do phù sa S MêKông bồi đắp. Có cá đê bao trong phạm vi hẹp, có nhiều vùng trũng rộng lớn: Đồng Tháp Mười, khu Tứ Giác Long Xuyên. DT đất mặn, đất chua mặn rất lớn. ĐB SCL là vùng trọng điểm lúa số 1 nước ta.

- ĐB SH: có DT khoảng 15.000km2 do phù sa S Hồng và S TBình bồi đắp. Có hệ thống đê chống lũ vững chắc dài 2700km. Các ô trũng thấp hơn mực nước ngoài đê 3 đến 7m. Có lịch sử khai thác lâu đời, là vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm thứ 2 của cả nước.

- Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ: Có tổng diện tích khoảng 15.000km2 và chia thành hiều đồng bằng nhỏ, rộng nhất là đồng bằng Thanh Hoá ( 3100km2 ). Do núi vùng duyên hải T/Bộ núi phát triển đâm ra sát biển, hẹp ngang, lượng mưa lớn tập trung theo mùa, lũ lên nhanh và rút nhanh nên các đồng bằng ở đây đều nhỏ hẹp và kém phì nhiêu.

*3.3. Địa hình bờ biển và thềm lục địa*

- Bờ biển: Dài 3260km, chia thành nhiều đoạn khác nhau. Bờ biển ở các đồng bằng châu thổ có nhiều bãi bùn, bãi triều, rừng ngập mặn, thuận lợi cho việc nuôi trồng thuỷ sản, khai thác muối. Bờ biển ở các vùng chân núi, hải đảo khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh sâu thuận lợi xây dựng hải cảng, nhiều bãi cát đẹp thích hợp cho du lịch tắm biển.

- Thềm lục địa: rộng khoảng nửa triệu km2, độ sâu TB 50-100m. Mở rộng ở vịnh BBộ, vùng biển NBộ, thu hẹp ở vùng biển TBộ. Có nhiều bể trầm tích dầu khí, k/sản kim loại…

**4. Đặc điểm khí hậu Việt Nam**

*- Các nhân tố hình thành khí hậu VN:* Vị trí địa lí. Hoàn lưu gió mùa. Bề mặt địa hình

*- Đặc điểm chung của khí hậu Việt nam:*

*4.1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:*

- Tính nhiệt đới: Bình quân 1m2 lãnh thổ nhận được 1 triệu kilô calo/năm, số giờ nắng đạt từ 1400 – 3000giờ/năm. Nhiệt độ TB trên 210C và tăng dần từ Bắc vào Nam.

- Gió mùa: có hai mùa khí hậu phù hợp với hai mùa gió là mùa đông lạnh với gió mùa Đông Bắc và mùa hạ nóng ẩm với gió mùa Tây Nam.

- Tính ẩm: Lượng mưa TB năm đạt từ 1500-2000mm/năm. Một số nơi do điều kiện địa hình, lượng mưa hàng năm tăng lên rất cao như Bắc Quang(Hà Giang) 4802mm, Hoàng Liên Sơn(Lào Cai) 3552mm, Huế 2568mm và Hòn Ba(Quảng Nam)3752mm. Độ ẩm không khí trên 80%.

*4.2. Tính đa dạng và thất thường*

Tính đa dạng: Khí hậu nước ta phân hoá mạnh mẽ theo không gian và theo thời gian

- Theo không gian:

+ Miền khí hậu phía Bắc, từ Hoành Sơn(Vĩ tuyến 180B) trở ra, có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa và nửa cuối mùa đông rất ẩm ướt. Mùa hè nóng và mưa nhiều.

+ Miền khí hậu Đông Trường Sơn bao gồm phần lãnh thổ T Bộ phía Đ dãy Trường Sơn, từ Hoành Sơn đến Mũi Dinh (Vĩ tuyến 110B) có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.

+ Miền khí hậu phía Nam bao gồm Nam Bộ và Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo, nhiệt dộ cao quanh năm, với một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc.

+ Miền khí hậu Biển Đông Việt Nam mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

Ngoài ra sự đa dạng của địa hình nước ta đã góp phần hình thành nhiều vùng khí hậu, nhiều kiểu khí hậu khác nhau. Sườn núi đón gió Tây Nam mưa nhiều, sườn khuất gió khô hạn. Các vùng núi quanh năm mát hơn vùng đồng bằng.

- Theo thời gian: Phía Bắc có mùa đông lạnh mưa ít, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều. Phía Nam có một mùa mưa và một mùa khô.

Tính thất thường: Năm mưa nhiều, năm mưa ít, năm rét sớn, năm rét muộn, năm bão nhiều, năm ít bão…

- Sự thất thường trong chế đọ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền Bắc, do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc hoạt động không điều hoà. Các hiện tượng En-ni-nô và La-ni-na trong những năm gần đây đã làm tăng tính thất thường của thời tiết, khí hậu nước ta.

**6. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta**

*6.1. Mùa gió Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 ( Mùa đông )*

Đây là thời kỳ thịnh hành của gió đông bắc và xen kẻ là những đợt gió đông nam. Trong thời kỳ này thời tiết-khí hậu trên các miền của nước ta khác nhau rõ rệt.

- Miền Bắc: chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa ĐB từ vùng áp cao ở lục địa phương Bắc tràn xuống từng đợt, mang lại một mùa đông không thuần nhất. Đầu mùa đông lạnh khô, cuối đông có mưa phùn ẩm ướt, nhiệt độ TB tháng nhiều nơi xuống dưới 150C. Trên các miền núi cao có thể xuất hiện sương giá, sương muối, tuyết rơi.

- Duyên hải Trung Bộ: cómưa rất lớn vào các tháng cuối năm.

- Nam Bộ và Tây Nguyên: thời tiết khô, nóng, ổn định suốt mùa.

*6.2. Gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 ( Mùa hạ )*

Đây là thời kỳ thịnh hành của gió Tây Nam trên cả nước. Ngoài ra, Tín phong nửa cầu Bắc vẫn hoạt động xen kẻ và thổi theo hướng đông nam.

- Nhiệt độ cao đều trên toàn quốc, đạt trên 250C ở các vùng thấp. Tập trung trên 80% lượng mưa cả năm.

- Kiểu thời tiết phổ biến: Trời nhiều mây, thjường có mưa rào, mưa dông.

+ Vùng Tây Bắc và Duyên hải Miền Trung chịu tác đông của gió Tây khô nóng, gây hạn hán vào các tháng 6, 7, 8.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có mưa ngâu kéo dài gây úng ngập.

+ Vùng đồng bằng ven biển thường bị ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão mang lại một lượng mưa đáng kể.

*6.3. Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại*

- Thuận lợi: + Sinh vật phát triển quanh năm

+ Có điều kiện thực hiện các biện pháp thâm canh, tăng vụ, xen canh, gối vụ, luân canh…trong sản xuất nông nghiệp.

+ Phát triển giao thông, di lịch quanh năm

- Khó khăn: + Nhiều tai biến thiên nhiên: bão, lũ lụt, hạn …

+ Nấm mốc, sâu bệnh phát triển ảnh hưởng đến đời sống sản xuất.

+ Quá trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ vào màu mưa ở các vùng đồi núi.

**7. Đặc điểm sông ngòi Việt Nam**

*7. 1. Đặc điểm chung*

*\* Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước*

- Do lượng mưa TB trên lãnh thổ nước ta lớn trên 1500mm/năm. Nên mạng lưới S/ngòi nước ta dày đặc và phân bố rộng khắp trên cả nước. Theo thống kê, nước ta có tới 2360 con sông dài trên 10km, trong đó 93% là các sông nhỏ và ngắn (DT lưu vực dưới 500km2).

- Tuy nhiên các sông ở nước ta phần lớn là những sông nhỏ, ngắn và dốc. Lãnh thổ đất liền kéo dài theo chiều kinh tuyến, hẹp ngang, phía Đông giáp biển, phía tây phần lớn là núi, nơi bắt nguồn của nhiều sông nên đại bộ phận sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn và dốc. Riêng Bắc Bộ và Nam Bộ có chiều ngang rộng hơn nên có một số sông lớn.

*\* Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là TB – ĐN và hướng vòng cung****.***

- Địa hình cao về phía Tây Bắc và thấp dần về phía Đông Nam, các dãy núi có hai hướng chính là tây bắc đông nam và hướng vòng cung.

- Các sông điển hình cho hướng TB – ĐN: S Hồng, S Đà, S Tiền, S Hậu…Các sông chảy theo hướng vòng cung: S Cầu, S Lô, S Thương, S Gâm, S lục Nam

*\* Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt*

- Chế độ nước của sông ngòi phụ thuộc chặt chẽ vào chế độ mưa của khí hậu. Khí hậu nước ta chia làm hai mùa, một mùa mưa và một mùa khô khác nhau. Mùa lũ trùng với mùa gió tây nam -mùa hạ có lượng mưa lớn chiếm 80% lượng mưa cả năm.

- Tuy nhiên sự phân bố lượng mưa không đồng nhất trên cả nước nên mùa lũ và mùa cạn của sông ngòi có sự khác nhau giữa các miền: Ở BBộ và Nam Bộ lũ về mùa hạ, cạn về mùa đông. Riêng ở Trung Bộ lũ về mùa đông từ tháng 9-12 do mùa này nhiều mưa.

*\* Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn.*

- Hàng năm sông ngòi vận chuyển tới 839 tỉ m3 nước cùng với hàng triệu tấn phù sa.

- Bình quân mỗi mét khối nước sông có 223 gam cát bùn và chất hoà tan khác. Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước tới trên 200triệu tấn/năm

Do khí hậu nhiệt đới ẩm làm cho các chất hữu cơ phân huỷ nhanh, lượng mưa lớn tập trung theo mùa.

7.2. Giá trị của sông ngòi

- Tạo ra các châu thổ màu mỡ ( châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long…), quá trình bồi đắp vẫn còn tiếp diễn ở nhiều vùng cửa sông, ven biển và trong nội địa.

- Cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp

- Phát triển giao thông đường thuỷ, du lịch ( sông Hồng, sông Cửu Long…)

- Khai thác và nuôi trồng thuỷ sản

- Xây dựng các công trình thuỷ điện: Hoà Bình trên sông Đà, YaLy trên sông Sê San, Trị An trên sông Đồng Nai…

**8. Các hệ thống sông lớn ở nước ta**

Đặc điểm các hệ thống sông lớn ở nước ta

*8.1 Sông ngòi Bắc Bộ*

- Chế độ nước rất thất thường. Mùa lũ kéo dài 5 tháng và cao nhất vào tháng 8

- Các sông ở đây có dạng nan quạt nên lũ tập trung nhanh và kéo dài. Một số sông nhánh chảy giữa các cánh cung núi, quy tụ về đỉnh tam giác châu sông Hồng.

- Tiêu biểu cho khu vực sông ngòi Bắc Bộ là hệ thống S Hồng. Hệ thống S Hồng gồm ba sông chính là S Hồng(sông Thao), S Lô và S Đà hợp lưu ở gần Việt Trì.

*8.2 Sông ngòi Trung Bộ* ( Sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, Sông Ba⭢Đà Rằng)

- Thường ngắn và dốc phân thành nhiều khu vực nhỏ độc lập. Lũ lên nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão lớn. Do lãnh thổ Trung Bộ hẹp ngang, núi ở phía Tây, nhiều dãy núi phát triển đâm ra sát biển.

- Mùa lũ tập trung vào những tháng cuối năm( tháng 9 đến 12) do chế độ mưa.

*8.3 Sông ngòi Nam Bộ*

- Thường có lượng nước chảy lớn, chế độ nước cũng theo mùa nhưng điều hoà. Do lòng sông rộng và sâu, độ dốc nhỏ

- Do lòng sông rộng và sâu, ảnh hưởng của thuỷ triều lớn, rất thuận lợi cho giao thông vận tải.

- Có hai hệ thống sôg lớn là sông Mê Công và sông Đồng Nai.

**9. Các miền địa lí tự nhiên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Miền  Yếu tố** | **Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc**  **và Bắc Trung Bộ** | **Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ** |
| Vị trí địa lí | - Nằm sát chí tuyến Bắc và á nhiệt đới Hoa Nam  - Chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều đợt gió mùa đông bắc lạnh và khô. | - Thuộc hữu ngạn sông Hồng, từ Lai Châu đến Thừa Thiên-Huế  - Chịu ảnh hưởng của gió nóng tây nam vào mùa hạ | - Từ Đà Nẳng Cà  Mau, chiếm diện tích lớn .  - Chịu ảnh hưởng của gió tây nam và tín phong đông bắc |
| Địa chất,  địa hình | - Miền nền cổ núi thấp, hướng vòng cung là chính  - Địa hình phần lớn là đồi núi thấp với nhiều cánh cung núimở rộng về phía Bắc và quy tụ ở Tam Đảo  - Đồng bằng sông Hồng  - Đảo và quần đảo trong vịnh Bắc Bộ. | - Miền địa máng, núi cao hướng Tây Bắc - Đông Nam là chính  - Địa hình cao nhất nước ta: đây là vùng núi non trùng đẹp, nhiều núi cao, thung lũng sâu (Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phanxipăng 3143m Pu-đen-Đinh…), nhiều dãy núi đâm ra sát biển như Hoành Sơn, Bạch Mã…)  - Đ.bằng ven biển nhỏ hẹp bị chia cắt thành nhiều ô nhỏ. Lớn nhất là đ.bằng Thanh-Nghệ | - Miền nền cổ, núi và cao nguyên hình khối, nhiều hướng.  - Trường Sơn Nam là khu vực núi, cao nguyên rộng lớn được hình thành trên nền cổ Kontum  - Nhiều đỉnh cao trên 2000m: Ngọc Linh 2598m, Vọng Phu 2051m…  - Các cao nguyên xếp tàng có phủ badan  - Phía Nam là đồng bằng Nam bộ rộng lớn |
| **Khí hậu, thuỷ văn** | - Tc nhiệt đới bị giảm sút mạnh, mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước.  - Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn. To có thể xuống 00C ở miền núi và dưới 50C ở đồng bằng .  - Mùa hạ nóng ẩm và mưa nhiều. Có mưa ngâu vào giữa hạ.  - Nhiều sông ngòi, hệ thống sông Hồng và sông Thái bình, hướng chảy TB- ĐN và vòng cung. Có 2 mùa nước rõ rệt | - Khí hậu đặc biệt do tác đông của địa hình: mùa đông đến muộn và kết thúc sớm  - Mùa hạ gió tây nam vượt qua các dãy núi cao ở biên giới Việt -Lào bị biến tính trở nên nóng và khô ảnh hưởng mạnh đến chế độ mưa của miền .  - Sông ngòi ngắn, dốc, lũ lên nhanh và đột ngột. Theo sát mùa mưa, mùa lũ chậm dần từ Bắc vào Nam. | - Miền nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc  - Nhiệt độ trung bình năm từ 25-270C  - Mùa khô kéo dài 6 tháng dễ gây hạn hán và cháy rừng  - Gió tín phong đông bắc và gió tây nam nóng ẩm thổi thường xuyên |
| **Đất, sinh vật** | Đất feralit ở vùng đồi núi, vùng đồng bằng có đất phù sa | Đất feralit và đất badan ở vùng đồi núi, vùng đồng bằng có đất phù sa | - Đất badan ở Tây nguyên, đồng bằng có đất phù sa, đặc biệt là đồng bằng Nam Bộ |
| **Bảo vệ môi trường** | - Chống rét đậm, rét hại, hạn, bão  - Xói mòn đất, trồng cây gây rừng | - Bảo vệ rừng đầu nguồn tại các sườn núi cao và dốc.  - Chủ động phòng chống thiên tai. | - Bảo vệ rừng, hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông  - Chống bão, lũ, hạn vào mùa khô  - Chống mặn, phèn, cháy rừng |

**10. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam**

*10.1. Việt Nam là một nước nhiệt đới gió mùa ẩm*

Biểu hiện của tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm trong cảnh quan tự nhiên nước ta:

- Địa hình: + Quá trình phong hoá diễn ra mạnh mẽ, lớp vỏ phong hoá dày.

+ Quá trình xâm thực mạnh mẽ ở vùng đồi núi đi đôi với quá trình bồi tụ ở các đồng bằng.

- Khí hậu: nóng ẩm, phân hoá theo mùa rõ rệt

- Sông ngòi: Dày đặc, nhiều nước, thuỷ chế theo mùa, không bị đóng băng

- Thổ nhưỡng: Feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở vùng đồi núi

- Thảm thực vật: Đặc trưng là rừng nhiệt đới gió mùa, nhiều tầng, tán, nhiều thành phần loài, xanh quanh năm.

*\* Những thuận lợi và khó khăn*

- Thuận lợi:

+ Tài nguyên thiên nhiên đa dạng là cơ sở để xây dựng và phát triển nền kinh tế với cơ cấu đa dạng

+ Thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới thâm canh, đa dạng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi

- Khó khăn: Môi trường sinh thái dễ bị biến đổi, mất cân bằng. Thiên tai thường xảy ra: bão lụt, hạn hán, lũ quét.…gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

*10.2. Việt Nam là nước ven biển*

- Ảnh hưởng của biển rất mạnh mẽ, sâu sắc, tăng cường tính nóng ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam

- Cứ 1km2 đất liền tương ứng với 3,03km2 mặt biển(1.000.000: 330.000=3.03)

- Địa hình phần đất liền kéo dài, hẹp ngang biển ảnh hưởng sâu vào đất liền làm cho nước ta không khô hạn như những nước có cùng vĩ độ như Tây Nam A, Châu Phi…

*10.3. Việt Nam là xứ sở của cảnh quan đồi núi*

- Nước ta có nhiều đồi núi( đồi núi chiếm ¾ diện tích phần đất liền)

- Địa hình đa dạng tạo nên sự phân hoá mạnh của các cảnh quan tự nhiên

- Cảnh quan đồi núi chiếm ưu thế trong cảnh quan tự nhiên và thay đổi nhanh chóng theo đai cao.

- Vùng núi nước ta chứa nhiều tài nguyên khoáng sản, lâm sản, du lịch, thuỷ văn…

*10.4. Thiên nhiên nước ta đa dạng, phức tạp*

- Cảnh quan thay đổi từ đông sang tây: xa dần ảnh hưởng của biển, càng về phía Tây cảnh quan mang tính chất đồi núi

- Cảnh quan thay đổi từ thấp lên cao

- Cảnh quan thay đổi từ Nam ra Bắc

**Câu hỏi và bài tập**

**Câu 1:** *Vị trí địa lí và hình dạng của lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc nước ta hiện nay?*

**Câu 2:***Vùng biển nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó qua các tính chất của khí hậu biển?*

**Câu 3:** *Biển nước ta đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với đời sống kinh tế và tự nhiên của nước ta?*

**Câu 4:** *Hãy so sánh địa hình của hai vùng Đồng Bằng Sông Hồng và Đồng Bằng Sông Cửu Long?*

**Câu 5:** *So sánh ba nhóm đất chính ở nước ta về đặc tính ,sự phân bố và giá trị sử dụng?*

**Câu 6 :** *Nguyên nhân nào làm cho tự nhiên Việt Nam có tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm, tính chất này được thể hiện như thế nào trong thành phần tự nhiên nước ta. Nó ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và dời sống ?*

**Bµi tËp 1**

Cho b¶ng sè liÖu t×nh h×nh khai th¸c thuû s¶n ë n­­íc ta, giai ®o¹n 1995 - 2005  
 (Đ¬n vÞ: ngh×n tÊn)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ChØ tiªu** | **1990** | **1995** | **2000** | **2002** | **2005** |
| **Tæng s¶n l­­îng** | **890.6** | **1584.4** | **2250.5** | **2647.4** | **3465.9** |
| **- Khai th¸c** | **728.5** | **1195.3** | **1660.9** | **1802.6** | **1987.9** |
| **- Nu«i trång** | **162.1** | **389.1** | **589.6** | **844.8** | **1478.0** |

*1. VÏ biÓu ®å thÝch hîp nhÊt thÓ hiÖn t×nh h×nh ph¸t triÓn ngµnh thuû s¶n ë n­­íc ta giai ®o¹n 1990 - 2005?  
2. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch nguyªn nh©n sù ph¸t triÓn cña ngµnh thuû s¶n trong thêi gian qua?*

**Bµi tËp 2**

Cho BSL sau: T×nh h×nh s¶n xuÊt cña mét sè s¶n phÈm CN cña n­­íc ta, giai ®o¹n 1998 – 2006.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **N¨m** | **§iÖn ( tØ kw/h)** | **Than ( triÖu tÊn)** | **Ph©n bãn ho¸ häc**  **( ngh×n tÊn)** |
| 1998 | 21,7 | 11,7 | 978 |
| 2000 | 26,7 | 11,6 | 1.210 |
| 2002 | 35,9 | 16,4 | 1.158 |
| 2004 | 46,2 | 27,3 | 1.714 |
| 2006 | 59,1 | 38,9 | 2.176 |

1. VÏ biÓu ®å thÝch hîp thÓ hiÖn tèc ®é tăng tr­­ëng c¸c s¶n phÈm CN n­­íc ta dùa vµo b¶ng sè liÖu trªn?

2. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch t×nh h×nh s¶n xuÊt 1 sè s¶n phÈm nªu trªn trong giai ®o¹n 1998 - 2006

**Bµi tËp 3**

***Cho BSL sau: Gi¸ trÞ s¶n xuÊt cña ngµnh trång trät theo gi¸ so s¸nh 1994 ph©n theo nhãm c©y trång cña n­­íc ta***

***(****Đ****¬n vÞ: tØ ®ång)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***Tæng sè*** | ***Trong ®ã*** | | | |
| ***C©y LT*** | ***C©y CN*** | ***Rau ®Ëu*** | ***C©u kh¸c*** |
| ***1995*** | ***66183.4*** | ***42110.4*** | ***12149.4*** | ***4983.6*** | ***6940.0*** |
| ***2005*** | ***107897.6*** | ***63852.5*** | ***25585.7*** | ***8928.2*** | ***9531.2*** |

1. VÏ biÓu ®å thÝch hîp nhÊt thÓ hiÖn qui m« vµ c¬ cÊu gi¸ trÞ s¶n xuÊt cña ngµnh trång trät theo b¶ng sè liÖu trªn?

2. NhËn xÐt?